

**KẾ HOẠCH**  
**Triển khai công tác kiểm tra về an toàn thực phẩm**  
**trong dịp Tết Trung thu năm 2019**

Thực hiện Kế hoạch số 2843/KH-BCĐLNVSATTP ngày 21/8/2019 của Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Khánh Hòa về việc triển khai công tác thanh, kiểm tra về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2019 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa,

UBND huyện Khánh Sơn xây dựng kế hoạch triển khai công tác kiểm tra về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2019 trên địa bàn huyện với các nội dung như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Đánh giá thực trạng việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm ATTP của các cơ sở thực phẩm, trong đó tập trung chủ yếu vào các cơ sở sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm được tiêu dùng nhiều trong dịp Tết Trung thu. Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm về an toàn thực phẩm và công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định để người tiêu dùng biết lựa chọn thực phẩm an toàn, hạn chế các vụ ngộ độc thực phẩm.

2. Trong quá trình kiểm tra, kết hợp công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật ATTP, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP và các văn bản hướng dẫn về ATTP đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng trong công tác đảm bảo ATTP.

3. Công tác kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm. Bảo đảm nguyên tắc tránh chồng chéo về đối tượng, địa bàn và thời gian kiểm tra. Việc xử lý chồng chéo thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

**II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG KIỂM TRA**

**1. Đối tượng kiểm tra:**

Đối tượng kiểm tra chủ yếu là các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm. Trong đó, chú trọng những cơ sở sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm được sử dụng nhiều trong dịp Tết Trung thu như: bánh, mứt, kẹo, bia, rượu, nước giải khát, thịt, cá, giò, chả, trái cây; cơ sở dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố,...

**2. Nội dung kiểm tra:**



### 2.1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm:

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở thuộc diện phải cấp giấy);
- Giấy chứng nhận sức khỏe, giấy xác nhận kiến thức ATTP hoặc danh sách xác nhận tập huấn kiến thức ATTP của người lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm (do chủ cơ sở ký xác nhận)
- Hồ sơ công bố sản phẩm (đối với những sản phẩm phải công bố);
- Nhãn sản phẩm hàng hóa thực phẩm (đối với những sản phẩm thuộc diện phải ghi nhãn);
- Tài liệu quảng cáo, hồ sơ đăng ký quảng cáo (đối với những cơ sở có quảng cáo sản phẩm thực phẩm);
- Hồ sơ theo dõi về chất lượng sản phẩm, phiếu kiểm nghiệm định kỳ;
- Điều kiện đảm bảo ATTP đối với cơ sở, trang thiết bị, dụng cụ, con người được quy định tại Luật ATTP, Nghị định và Thông tư của các Bộ: Y tế, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Quy trình chế biến, bảo quản thực phẩm;
- Nguồn gốc nguyên liệu, phụ gia thực phẩm;
- Nguồn nước dùng cho chế biến thực phẩm;
- Lấy mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP khi cần thiết.

### 2.2. Đối với cơ sở dịch vụ ăn uống:

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (đối với cơ sở thuộc diện phải cấp giấy).
- Giấy xác nhận đủ sức khỏe; giấy xác nhận kiến thức ATTP hoặc danh sách xác nhận tập huấn kiến thức ATTP của người lao động trực tiếp chế biến thực phẩm (do chủ cơ sở ký xác nhận).
- Điều kiện bảo đảm ATTP (cơ sở, trang thiết bị dụng cụ, con người);
- Quy trình chế biến, bảo quản thực phẩm;
- Nguồn gốc nguyên liệu, phụ gia thực phẩm được sử dụng tại cơ sở;
- Việc thực hiện chế độ kiểm thực 03 bước và lưu mẫu thức ăn;
- Việc bảo đảm nước sạch dùng cho chế biến thực phẩm;
- Các nội dung khác có liên quan.
- Lấy mẫu kiểm nghiệm khi cần thiết.

### 2.3. Đối với cơ sở thức ăn đường phố:

- Cơ sở bảo đảm cách xa nguồn gây độc hại, ô nhiễm;
- Thức ăn được bày bán trên bàn, giá, kệ, phương tiện bảo đảm an toàn thực phẩm;

- Nguồn gốc nguyên liệu, phụ gia thực phẩm được sử dụng tại cơ sở;
- Dụng cụ ăn uống, chứa đựng thực phẩm;
- Vật liệu bao gói và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm;
- Dụng cụ che nắng, mưa, bụi bẩn, côn trùng và động vật gây hại;
- Nguồn nước phục vụ việc chế biến, kinh doanh;
- Điều kiện sức khỏe, kiến thức và thực hành về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp chế biến, kinh doanh thực phẩm;
- Lấy mẫu kiểm nghiệm khi cần thiết.

### **III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA**

- Các cơ quan quản lý ATTP cấp huyện và xã thành lập các Đoàn kiểm tra liên ngành tiến hành kiểm tra tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố trên địa bàn quản lý.

- Trong quá trình kiểm tra:
  - + Nghe báo cáo việc chấp hành các quy định về đảm bảo ATTP của cơ sở;
  - + Thu thập tài liệu liên quan;
  - + Lấy mẫu để kiểm nghiệm xác định các chỉ tiêu ATTP;
  - + Phân tích, đánh giá hồ sơ; phân tích, đánh giá kết quả kiểm nghiệm.
  - + Lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính (nếu có);
- Kết thúc đợt kiểm tra, tiến hành nhận xét, đánh giá việc thực hiện các quy định về đảm bảo ATTP tại các cơ sở thực phẩm; đề xuất các giải pháp tăng cường đảm bảo ATTP.

### **IV. XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **1. Cơ sở pháp lý để xử lý vi phạm:**

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.
- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.
- Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính.
- Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.
- Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y.

- Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/7/2017 của Chính phủ về kinh doanh Rượu.

- Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo; Nghị định số 28/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo;

- Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ định một số điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ người tiêu dùng;

- Các Nghị định khác quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

## **2. Thực hiện xử lý vi phạm:**

Các đoàn kiểm tra khi phát hiện vi phạm phải thực hiện xử lý theo đúng quy định của pháp luật, tuyệt đối không để các sản phẩm không đảm bảo an toàn thực phẩm, không rõ nguồn gốc, không đúng quy định về ghi nhãn hoặc có các vi phạm khác lưu thông trên thị trường; không để các sản phẩm quảng cáo sai quy định tiếp tục lưu hành; không để các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố không đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm tiếp tục hoạt động khi chưa thực hiện các biện pháp khắc phục có hiệu quả.

## **V. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

### **1. Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành:**

- Cấp huyện: Phòng Y tế tham mưu UBND huyện thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành VSATTP, tiến hành kiểm tra các cơ sở thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn.

- Cấp xã: UBND các xã, thị trấn thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành VSATTP kiểm tra các cơ sở dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn.

- Yêu cầu các đoàn kiểm tra tổ chức thành phần đủ thẩm quyền và chuẩn bị đầy đủ các văn bản có liên quan, mẫu biểu kiểm tra thống nhất, chuẩn bị dụng cụ lấy mẫu, dụng cụ kiểm tra nhanh để phục vụ cho công tác kiểm tra.

- Đối với các trường hợp vi phạm về ATTP được phát hiện, cần phải xử lý nghiêm và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân biết và lựa chọn thực phẩm an toàn.

## 2. Thời gian thực hiện:

- Thời gian hoàn thành Kế hoạch kiểm tra: Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm cấp xã ban hành kế hoạch và thành lập các đoàn kiểm tra tại địa bàn trước ngày **24/8/2019**.

- Từ ngày **26/8/2019** đến ngày **06/9/2019**: Các đoàn kiểm tra liên ngành của huyện và xã tiến hành kiểm tra tại các cơ sở thực phẩm thuộc phân công, phân cấp quản lý trên địa bàn.

## 3. Báo cáo kết quả:

Ban chỉ đạo liên ngành VSATTP các xã, thị trấn báo cáo kết quả kiểm tra về BCĐ liên ngành VSATTP huyện (thông qua Phòng Y tế, Đ/c: tầng 3 khu liên có hành chính 1, ĐT: 0258.3869772) trước ngày **10/9/2019** để tổng hợp báo cáo theo quy định. (đính kèm biểu mẫu báo cáo)

## VI. KINH PHÍ, PHƯƠNG TIỆN

### 1. Kinh phí:

- Nguồn kinh phí hỗ trợ từ địa phương.
- Việc sử dụng kinh phí theo quy định hiện hành.

### 2. Phương tiện:

- Tuyên huyện: Giao Phòng Y tế - cơ quan chủ trì, chuẩn bị xe ô tô để phục vụ công tác kiểm tra.

- Tuyên xã: UBND các xã, thị trấn căn cứ kinh phí và tình hình thực tế bố trí phương tiện phù hợp phục vụ công tác kiểm tra.

Trên đây là Kế hoạch triển khai kiểm tra liên ngành về ATTP trong dịp Tết Trung thu năm 2019, UBND huyện Khánh Sơn yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện. /.

### Nơi nhận:

- Chi cục ATVSTP;
  - Ban Tuyên giáo Huyện ủy;
  - Thường trực HĐND&UBND huyện;
  - Các Phòng: Y tế; KT&HT;
  - Trung tâm Y tế; Đài TT-TH huyện;
  - Công an huyện;
  - UBND các xã, thị trấn;
  - Lưu: VT, PYT.
- (VBĐT)



Nguyễn Văn Nhuận



**BÁO CÁO**  
**Kết quả kiểm tra ATTP trong dịp tết Trung thu năm 2019**

(Đính kèm Kế hoạch số 1289/KH-UBND ngày 22/8/2019 của UBND huyện Khánh Sơn)

**I. Công tác chỉ đạo: (nêu cụ thể)**

**II. Kết quả thanh tra, kiểm tra tại cơ sở thực phẩm (không bao gồm các cơ sở do đoàn liên ngành của tỉnh thực hiện và báo cáo):**

**1. Việc tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra:**

Tổng số đoàn thanh tra, kiểm tra:

Trong đó:

1.1. Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến tỉnh:

1.2. Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến huyện:

1.3. Số đoàn kiểm tra tuyến xã:

**2. Kết quả thanh tra, kiểm tra:**

**Bảng 1: Kết quả thanh tra, kiểm tra**

TT	Loại hình cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở	Số CS được thanh, kiểm tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ % đạt
1	Sản xuất, chế biến				
2	Kinh doanh				
3	Dịch vụ ăn uống				
4	Thức ăn đường phố				
	<b>Tổng số (1 + 2 + 3+4)</b>				

**Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm**

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ % so với số được thanh, kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra		
2	Số cơ sở có vi phạm		
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý		
Trong đó:			
3.1 Hình thức phạt chính:			
	Số cơ sở bị phạt tiền		
	Tổng số tiền phạt		
3.2 Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả			
*	Số cơ sở bị đóng cửa		

*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm		
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành		
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm		
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy		
*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn		
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu q/cáo		
	Số loại tài liệu q/cáo bị đình chỉ lưu hành		
*	Các xử lý khác		
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý		
3.4	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)		

*Ghi chú: nêu cụ thể tên thực phẩm, số lượng bị tiêu hủy; tên sản phẩm phải khắc phục về nhãn.*

**Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu**

TT	Nội dung vi phạm	Số CS được thanh tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Điều kiện vệ sinh cơ sở			
2	Điều kiện vệ sinh trang thiết bị dụng cụ			
3	Điều kiện về con người			
4	Công bố tiêu chuẩn sản phẩm/công bố hợp quy/phù hợp quy định an toàn thực phẩm/bản tự công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố sản phẩm			
5	Ghi nhãn thực phẩm			
6	Quảng cáo thực phẩm			
7	Chất lượng sản phẩm thực phẩm			
8	Vi phạm khác (ghi rõ)			

**Bảng 4: Kết quả xét nghiệm mẫu:**

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
<b>I</b>	<b>Xét nghiệm tại labo</b>			
1	Hóa lý			
2	Vi sinh			
	Tổng số xét nghiệm tại Labo			



<b>II</b>	<b>XN nhanh thực phẩm</b>			
<b>III</b>	<b>XN nhanh dụng cụ (chén, tô, muỗng...)</b>			
	<b>Cộng</b>			

*(Ghi chú: Nêu cụ thể loại sản phẩm được xét nghiệm, chỉ tiêu xét nghiệm tại labo; đối với xét nghiệm nhanh thực phẩm nêu rõ loại thực phẩm, tên chỉ tiêu)*

**III. Nhận xét, đánh giá chung** (Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu thực tế tại các bảng từ 1 – 4).

